

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/DS-ST

Ngày: 23-4-2019

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Anh Thư

2. Ông Nguyễn Văn Tấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 23 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 394/2018/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2019/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Hằng N; địa chỉ: Số 491 N, tổ dân phố L, Phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Ông Trang Hoàng D; địa chỉ: Số 101 T, Tổ 18, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Trương Thị H, địa chỉ: Số 101 T, Tổ 18, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi;

3.2. Anh Trang Hoàng V, địa chỉ: Số 101 T, Tổ 18, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà N có mặt; Ông D, bà H và anh V vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 11 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Hằng N trình bày:

Do chỗ quen biết nên ngày 21 tháng 5 năm 2016 (âm lịch) bà có cho ông Trang Hoàng D vay số tiền 150.000.000đồng. Do ông D không có tiền trả nợ cùng một lúc nên ông D viết cho bà 02 giấy mượn tiền, cụ thể:

- Giấy thứ nhất: Ông D ghi mượn của bà 80.000.000đồng vào ngày 21 tháng 5 năm 2016 (âm lịch), bà và ông D thỏa thuận ông D sẽ trả tiền gốc 80.000.000đồng và tiền lãi của số tiền trên cho bà trong thời gian 11 tháng là 30.000.000đồng, thành tổng số tiền 110.000.000đồng, mỗi tháng trả 10.000.000đồng, hai bên thống nhất quy thành 11 chân biêu và ông D đã trả cho bà 01 chân biêu với số tiền là 10.000.000đồng, còn nợ bà số tiền 100.000.000đồng. Sau đó ông D không tiếp tục trả nợ cho bà.

- Giấy thứ hai: Ông D ghi mượn của bà 70.000.000đồng vào ngày 21 tháng 5 năm 2016 (âm lịch). Giấy mượn tiền này không ghi lãi suất và thời hạn trả nợ.

Bà đã nhiều lần yêu cầu ông D trả nợ cho bà nhưng ông D không trả. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trang Hoàng D, bà Trương Thị H và anh Trang Hoàng V phải liên đới trả cho bà tổng số tiền là 183.750.000đồng, trong đó: Nợ gốc là 150.000.000đồng, nợ lãi tạm tính từ ngày 01 tháng 7 năm 2016 đến tháng 11 năm 2018 theo mức lãi suất là 10%/năm là 33.750.000đồng.

Tại bản tự khai ngày 22 tháng 02 năm 2019 và tại phiên tòa sơ thẩm, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trang Hoàng D phải trả cho bà số tiền gốc mà ông D đã vay của bà là 150.000.000đồng, không yêu cầu ông D phải tiếp tục trả tiền lãi.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Trang Hoàng D và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị H, anh Trang Hoàng V nhưng ông D, bà H và anh V không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án; không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập; không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại thời điểm bà Phạm Thị Hằng N khởi kiện yêu cầu ông Trang Hoàng D trả nợ theo hợp đồng vay tài sản thì ông Trang Hoàng D đang cư trú tại Tổ 18, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi thụ lý vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Hằng N là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn ông Trang Hoàng D và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị H, anh Trang Hoàng V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Trong đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Phạm Thị Hằng N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trang Hoàng D, bà Trương Thị H và anh Trang Hoàng V phải liên đới trả cho bà tổng số tiền là 183.750.000đồng, trong đó: Nợ gốc là 150.000.000đồng, nợ lãi tạm tính từ ngày 01 tháng 7 năm 2016 đến tháng 11 năm 2018 theo mức lãi suất là 10%/năm là 33.750.000đồng. Tuy nhiên, bà N không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh bà H và anh V có liên quan đến khoản nợ trên. Tại bản tự khai ngày 22 tháng 02 năm 2019 và tại phiên tòa sơ thẩm, bà N thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trang Hoàng D trả cho bà 150.000.000đồng tiền nợ gốc, không yêu cầu ông D trả lãi, không yêu cầu bà H và anh V phải liên đới trả nợ cùng với ông D. Việc bà N thay đổi yêu cầu khởi kiện như đã nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Căn cứ lời khai của nguyên đơn bà Phạm Thị Hằng N và các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, có căn cứ xác định: Vào ngày 21 tháng 5 năm 2016 (âm lịch) ông Trang Hoàng D có vay của bà Phạm Thị Hằng N tổng số tiền là 150.000.000đồng. Theo bà N trình bày thì từ khi vay tiền đến nay ông D mới trả cho bà N 10.000.000đồng tiền lãi, sau đó không trả gốc và lãi của số tiền đã vay cho bà N. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho bị đơn ông Trang Hoàng D, trong đó có nêu rõ số tiền nợ mà bà N yêu cầu ông D phải trả cho bà, nhưng ông D không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số nợ trên. Do đó, bà Phạm Thị Hằng N khởi kiện yêu cầu ông Trang Hoàng D phải trả cho bà 150.000.000đồng tiền nợ gốc là có căn cứ, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Đối với số tiền 10.000.000đồng mà ông D đã trả cho bà N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong giấy mượn tiền 80.000.000đồng không ghi cụ thể lãi suất bao nhiêu, nhưng có ghi số tiền mượn là 80.000.000đồng, ông D phải trả số tiền 110.000.000đồng trong thời hạn 11 tháng, mỗi tháng trả 10.000.000đồng. Theo bà N trình bày thì bà và ông D thỏa thuận ông D phải trả cho bà cả tiền gốc và tiền lãi trong thời hạn 11 tháng với tổng số tiền là 110.000.000đồng, quy ra 11 chân biêu, mỗi chân biêu là 10.000.000đồng, nhưng ông D chỉ mới trả được 01 chân biêu là 10.000.000đồng, sau đó không tiếp tục trả gốc và lãi cho bà theo thỏa thuận. Như vậy có căn cứ xác định, bà N và ông D có thỏa thuận về việc trả lãi của số tiền vay 80.000.000đồng, nhưng từ khi vay tiền đến nay ông D chỉ mới trả cho bà N số tiền lãi 10.000.000đồng. Xét thấy, từ khi vay số tiền 80.000.000đồng của bà N đến nay là hơn 35 tháng nhưng ông D mới trả cho bà N 10.000.000đồng tiền lãi là không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu ông Trang Hoàng D phải tiếp tục trả lãi nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên ông Trang Hoàng D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là: 150.000.000đồng x 5% = 7.500.000đồng.

Bà Phạm Thị Hằng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Phạm Thị Hằng N số tiền 4.593.750đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000163 ngày 03

tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các điều 144, 147, 235, 244, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 471, 474, 476, 477 và 478 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Hằng N.
2. Buộc ông Trang Hoàng D phải trả cho bà Phạm Thị Hằng N 150.000.000đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).
3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí:

Ông Trang Hoàng D phải chịu 7.500.000đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phạm Thị Hằng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Phạm Thị Hằng N số tiền 4.593.750đồng (bốn triệu năm trăm chín mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000163 ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- Chi Cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Phong

